TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2020/DS-ST
Ngày: 16 - 7 - 2020
V/v tranh chấp "Hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Kim Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Tú Anh

2. Ông Hồ Trung Hậu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Trí - là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long: không tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2020/TLST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp: "hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2020/QĐXX-ST ngày 15 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **D**, sinh năm 1974 - Đại diện Hộ kinh doanh L. Địa chỉ: ấp A, xã L (xã D cũ), huyện P, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn chị D là anh H, sinh năm 1990; Địa chỉ: khóm 1, phường V, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 03/6/2020) (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Anh **N**, sinh năm 1978 (có mặt).

2.2. Chị **P**, sinh năm 1978.

Người đại diện hợp pháp của chị P là anh N, sinh năm 1978; Cùng địa chỉ: ấp T, xã H (xã D cũ), huyện P, tỉnh Vĩnh Long là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 17/6/2020) (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 04 tháng 5 năm 2020 và trong quá trình xét xử, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn chị D là anh H trình bày:

Chị D là chủ Hộ kinh doanh L chuyên kinh doanh phân bón, thuốc bảo vệ thực vật. Vào ngày 05/11/2018 vợ chồng anh N và chị P có mua phân bón, thuốc trừ sâu tại cửa hàng của chị D. Trong quá trình thực hiện thỏa thuận việc mua bán, chị Đào đã giao vật tư nông nghiệp (phân bón, thuốc trừ sâu) cho vợ chồng anh N, chị P. Tính đến ngày 22/12/2018 anh N, chị P còn nợ chị D là 44.380.000 đồng, anh N có ký tên xác nhận nợ vào sổ của chị D. Ngày 15/6/2019 anh N, chị P trả 15.000.000 đồng, còn nợ chị D là 29.380.000 đồng. Chị D đã nhiều lần yêu cầu anh N, chị P trả nợ nhưng anh chị chỉ hứa hẹn.

Nay chị D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh N và chị P trả số tiền mua vật tư nông nghiệp còn thiếu vốn là 29.380.000 đồng và yêu cầu trả tiền lãi như sau: từ ngày 22/12/2018 đến 15/6/2019 là 5 tháng 23 ngày x 1,66%/tháng x 44.380.000 đồng = 4.248.000 đồng, từ ngày 15/6/2019 đến ngày 01/6/2020 là 11,5 tháng x 1,66%/tháng x 29.380.000 đồng = 5.608.000 đồng; đồng thời yêu cầu tiếp tục tính lãi đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm (tính lãi suất 1,66%/tháng).

- Tại bản khai ngày 09/6/2020 bị đơn anh N và chị P trình bày:

Anh chị xác định vợ chồng anh chị có mua phân bón, thuốc trừ sâu (để trồng khoai lang) tại cửa hàng của chị D từ năm 2018. Việc mua bán giữa hai bên có thỏa thuận phía anh mua thiếu, đến cuối mùa vụ (thu hoạnh khoai) trả. Chị D có giao cho anh giữ 01 sổ ghi ngày tháng năm mua (phân bón, thuốc trừ sâu), tên hàng, số tiền; tuy nhiên hiện nay sổ của anh chị bị ướt và rách nên không cung cấp cho Tòa; chị D cũng có ghi sổ của chị D. Tính đến ngày 22/12/2018 vợ chồng anh còn nợ chị D là 44.380.000 đồng, anh có ký tên xác nhận nợ trong sổ của chị D. Ngày 15/6/2019 vợ chồng anh trả 15.000.000 đồng, còn nợ chị D là 29.380.000 đồng. Nay chị D khởi kiện vợ chồng anh, vợ chồng anh đồng ý trả tiền vốn 29.380.000 đồng; anh không đồng ý trả tiền lãi vì hiện nay hoàn cảnh kinh tế gia đình anh đang gặp nhiều khó khăn, không có khả năng trả tiền lãi.

- Tại phiên tòa:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Chị D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh N và chị P trả số tiền mua vật tư nông nghiệp còn thiếu vốn là 29.380.000 đồng và yêu cầu trả tiền lãi như sau: từ ngày 22/12/2018 đến 15/6/2019 là 5 tháng 23 ngày x 1,66%/tháng x 44.380.000 đồng = 4.248.000 đồng, từ ngày 16/6/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (16/7/2020) là 13 tháng x 1,66%/tháng x 29.380.000 đồng = 6.340.000 đồng.

Bị đơn anh N trình bày: vợ chồng anh đồng ý trả tiền vốn 29.380.000 đồng; hiện nay hoàn cảnh kinh tế gia đình anh đang gặp nhiều khó khăn, không có khả năng trả tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị D khởi kiện yêu cầu anh N và chị P trả số tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ nên đây là tranh chấp "hợp đồng mua bán". Bị đơn có nơi cư trú ở huyện Bình Tân nên tranh chấp và quan hệ pháp luật thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án huyện Bình Tân theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của chị D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh N và chị P trả số tiền mua vật tư nông nghiệp còn thiếu vốn là 29.380.000 đồng.

Việc mua bán vật tư nông nghiệp giữa chị D với vợ chồng anh N và chị P là có thật căn cứ vào lời thừa nhận của anh N xác định tính đến ngày 22/12/2018 vợ chồng anh còn nợ chị D là 44.380.000 đồng, anh có ký tên xác nhận nợ trong sổ của chị D; đến ngày 15/6/2019 vợ chồng anh trả 15.000.000 đồng, còn nợ chị D là 29.380.000 đồng.

Do anh N chị P không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho chị D theo đúng thỏa thuận đã giao dịch vì vậy anh N chị P đã vi phạm về nghĩa vụ trả tiền cho chị D nên yêu cầu của chị D là có căn cứ phù hợp với Điều 440 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận, buộc anh N chị P phải trả chị D số tiền còn nợ 29.380.000 đồng là phù hợp.

[2.2] Xét yêu cầu tính tiền lãi của chị D:

Từ ngày 22/12/2018 đến 15/6/2019 là 5 tháng 23 ngày x 1,66%/tháng x 44.380.000 đồng = 4.248.000 đồng.

Từ ngày 16/6/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (16/7/2020) là 13 tháng x 1,66%/tháng x 29.380.000 đồng = 6.340.000 đồng.

Là có căn cứ, phù hợp theo quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh N và chị P phải chịu 1.998.400 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 430, 440 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị D.

2. Buộc anh N và chị P có trách nhiệm trả chị D số tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ vốn là 29.380.000 đồng (*Hai mươi chín triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng*) và lãi 10.588.000 đồng (*Mười triệu năm trăm tám mươi tám nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc anh N và chị P phải nộp 1.998.400 đồng (*Một triệu chín trăm chín mươi tám nghìn bốn trăm đồng*) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân.

Hoàn trả chị D số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 944.000 đồng (*Chín trăm bốn mươi bốn nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0011401 ngày 04/5/2020 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Tân thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Kim Ngân

Nơi nhận:
- TAND T. Vĩnh Long;
- VKSND H. Bình Tân;
- Chi cục THADS H. Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu.